

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đông.

2. Bà Trần Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thông Nguyệt V, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 30A, phố 3, ấp 3, xã P, huyện Đ, Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 70A, khu 1, ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Hồ Nhì T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 30A, phố 3, ấp 3, xã P, huyện Đ, Đồng Nai.

(Chị V, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2022, Biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Thông Nguyệt V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169 (quyển 1) ngày 23/12/2010. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do anh T không chịu tu chí làm ăn, nghề nghiệp không ổn định, thu nhập lúc có lúc không, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Đến khi có con thì chị nghĩ anh T sẽ tu chí làm ăn nhưng anh T không thay đổi. Chị đã khuyên bảo

nhưng anh T không nghe. Vì thương con nên chị đã cam chịu hơn 12 năm nay nhưng đến nay chị không thể tiếp tục chịu đựng, giữa vợ chồng không thể có tiếng nói chung, không quan tâm, thấu hiểu và chia sẻ khó khăn với nhau. Chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Nhì T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung tên là Hồ Tàu P, sinh ngày 07/3/2011, Hồ Tàu D, sinh ngày 21/10/2014 và Hồ Tàu D1, sinh ngày 23/6/2016. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu D1, giao cháu P và cháu D cho anh T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Nay chị đồng ý giao cả 03 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2022 và đơn xin vắng mặt bị đơn anh Hồ Nhì T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện kết hôn thông qua mai mối, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169 (quyển 1) ngày 23/12/2010. Vợ chồng chung sống đến tháng 3/2022 thì xảy ra mâu thuẫn nên chị V về nhà ngoại sống ly thân với anh cho đến nay. Gia đình hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhưng chị V không nghe. Vì vậy, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Thông Nguyệt V.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên là Hồ Tàu P, sinh ngày 07/3/2011, Hồ Tàu D, sinh ngày 21/10/2014 và Hồ Tàu D1, sinh ngày 23/6/2016. Khi ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì anh không có thời gian đến Tòa án làm việc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì anh đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị V nhưng không thành.

- Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, anh T cũng đồng ý ly hôn. Yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Giao 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị V được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T và chị V được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị V phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị V và anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị V, anh T.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hồ Nhì T có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Thông Nguyệt V khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về luật áp dụng: Chị Thông Nguyệt V và anh Hồ Nhì T đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 12 năm 2010 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thông Nguyệt V và anh Hồ Nhì T đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V: Chị V xin ly hôn với lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Căn cứ Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xét thấy chị V và anh T không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ

chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị V, anh T thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, Chị V xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung:

Chị V và anh T có 03 con chung tên là Hồ Tàu P, sinh ngày 07/3/2011; Hồ Tàu D, sinh ngày 21/10/2014 và Hồ Tàu D1, sinh ngày 23/6/2016. Chị V đồng ý giao 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng không chung sống với nhau thì anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, các cháu đều phát triển bình thường, khỏe mạnh và được đi học. Tòa án cũng đã ghi nhận ý kiến con chung trên 7 tuổi là cháu P và cháu D thì hai cháu có nguyện vọng sống với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con, nên tạm thời chị V không phải không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị V được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T và chị V được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Thông Nguyệt V phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thông Nguyệt V. Chị Thông Nguyệt V được ly hôn với anh Hồ Nhì T.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên là Hồ Tàu P, sinh ngày 07/3/2011; Hồ Tàu D, sinh ngày 21/10/2014 và Hồ Tàu D1, sinh ngày 23/6/2016 cho anh Hồ Nhì T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời chị Thông Nguyệt

V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Chị Thông Nguyệt V được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh Hồ Nhì T và chị Thông Nguyệt V được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thông Nguyệt V phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị V đã nộp theo biên lai số 0003640 ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào số tiền án phí chị V phải chịu. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Thông Nguyệt V và anh Hồ Nhì T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

Phan Thanh Hà